

Bản án số: 06/2024/KDTM-PT
Ngày 02-02-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Luật.

Các thẩm phán thành viên: Ông Phan Trí Dũng;

Bà Trần Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Khang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Bé – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 50/2023/TLPT- KDTM ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2023/KDTM-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXPT-KDTM ngày 02/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐ-PT ngày 19/01/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH V; địa chỉ: số B N, tổ B, khu phố A, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Thanh L, sinh năm 1991; địa chỉ: tầng C, tòa nhà V, số A Đ, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH V và Sợi Đức T (theo Văn bản ủy quyền ngày 14/8/2023), vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH S; địa chỉ trụ sở: số F cao ốc B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: số F L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Phan Huỳnh Thị Bích D, sinh năm 1991; địa chỉ: A đường số B, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, là

người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 12/01/2024), vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty TNHH S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

****Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2023, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện của nguyên đơn ông Phan Thanh L trình bày:***

Giữa Công ty TNHH V và Sợi Đức T (gọi tắt Công ty V) với Công ty TNHH S (gọi tắt Công ty S) có ký với nhau 04 hợp đồng, cụ thể như sau:

Hợp đồng kinh tế 059-21/DT-PAA ngày 11/5/2021.

Hợp đồng kinh tế 064-21/DT-PAA ngày 18/5/2021.

Hợp đồng kinh tế 094-21/DT-PAA ngày 01/7/2021.

Hợp đồng kinh tế 001PAA/DT-PAA ngày 01/3/2022.

Theo thỏa thuận của hợp đồng thì Công ty S mua các loại vải của Công ty V và đặt cọc trước 30% giá trị đơn hàng, số tiền còn lại thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày giao hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty V đã giao hàng cho Công ty S Ân đúng như thỏa thuận. Tuy nhiên, Công ty S không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán của mình, cụ thể:

Hợp đồng kinh tế 059-21/DT-PAA , còn thiếu 75.643.200đ

Hợp đồng kinh tế 064-21/DT-PAA, còn thiếu 361.561.040đ

Hợp đồng kinh tế 094-21/DT-PAA, còn thiếu 226.608.300đ

Hợp đồng kinh tế 001PAA/DT-PAA, còn thiếu 208.413.216đ.

Đến ngày 17/02/2022, hai bên tiến hành đối chiếu công nợ với số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 966.109.284 đồng, trong đó tiền gốc 872.225.756 đồng, tiền lãi 93.883.528 đồng. Kể từ khi đối chiếu công nợ, phía nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu thanh toán, thậm chí gửi thông báo yêu cầu nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên buộc nguyên đơn phải khởi kiện yêu cầu: Buộc Công ty TNHH S thanh toán cho Công ty TNHH V và Sợi Đức T số tiền gốc là 872.225.756 đồng. Đối với tiền lãi thì theo như bảng chi tiết công nợ và tính lãi ngày 17/02/2023, hai bên đã thống nhất số tiền lãi tính đến ngày 17/02/2023 là 93.883.528 đồng, nhưng do đến nay bị đơn vẫn không trả gốc và lãi cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi tính từ ngày 18/02/2023 đến ngày 31/8/2023 với mức lãi 10,5%/năm, tương đương 0,87%/tháng, cụ thể 06 tháng 13 ngày x 0,87%/tháng x 872.225.756đ = 48.818.475đ, tổng số tiền lãi 93.883.528đ + 48.818.475đ = 142.702.003đ.

**** Tại Biên bản hòa giải ngày 24/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án – Bị đơn Công ty TNHH S trình bày:*** Bị đơn thống nhất với nguyên đơn về

việc hai bên ký kết hợp đồng kinh tế, cũng như thống nhất việc hai bên đã tiến hành chốt công nợ với số tiền nợ gốc bị đơn đang còn nợ nguyên đơn là 872.225.756 đồng theo như Bảng chi tiết công nợ và tính lãi ngày 17/02/2023. Tuy nhiên, hiện nay bị đơn đang gặp khó khăn nên bị đơn yêu cầu được thanh toán số tiền trên bắt đầu từ ngày 01/01/2024. Đối với số tiền lãi yêu cầu nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả số tiền này vì bị đơn đang khó khăn. Ngoài ra, án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nguyên đơn phải chịu chứ bị đơn không đồng ý chịu.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2023/KDTM-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH V và Sợi Đức T về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” đối với bị đơn Công ty TNHH S.

Công ty TNHH S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH V và Sợi Đức T số tiền nợ gốc 872.225.756 đồng (T1 trăm bảy mươi hai triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi sáu đồng) và tiền lãi 142.702.003đ (Một trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm lẻ hai nghìn không trăm lẻ ba đồng), tổng cộng 1.014.927.759đ (Một tỷ không trăm mười bốn triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, tuyên về nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 21/9/2023, bị đơn Công ty TNHH S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Bản án sơ thẩm tuyên xử không khách quan, chưa xem xét toàn diện chứng cứ, sự thật và các tình tiết của vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý đơn kiện là đúng thẩm quyền.

- Về nội dung vụ án:

Theo thỏa thuận của các Hợp đồng kinh tế nêu trên, Công ty S mua các loại vải của Công ty V và đặt cọc trước 30% giá trị đơn hàng, số tiền còn lại thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày giao hàng. Theo tài liệu trong hồ sơ cho thấy Công ty V đã thực hiện giao đủ hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng nhưng Công ty S không thanh toán. Vì vậy, ngày 17/02/2023, hai bên đã tiến hành đối chiếu

công nợ, theo đó, Công ty S ký xác nhận còn nợ Công ty V tổng số tiền 966.109.284 đồng, trong đó: tiền gốc 872.225.756 đồng, tiền lãi 93.883.528 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty S cũng thừa nhận hiện nay còn nợ Công ty V số tiền nợ gốc 872.225.756 đồng nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 BLTTDS. Án sơ thẩm tuyên buộc Công ty S phải thanh toán cho Công ty V số tiền nợ gốc 872.225.756 đồng là có căn cứ.

Công ty V căn cứ bảng chi tiết công nợ và tính lãi ngày 17/02/2023 yêu cầu Công ty S Trả trả số tiền lãi tính đến ngày 17/02/2023 là 93.883.528 đồng. Công ty V xác định đến nay Công ty S vẫn không trả gốc và lãi nên tiếp tục yêu cầu Công ty này trả lãi tính từ ngày 18/02/2023 đến ngày 31/8/2023 với mức lãi 10,5%/năm, tương đương 0,87%/tháng, cụ thể 06 tháng 13 ngày x 0,87%/tháng x 872.225.756 đồng = 48.818.475 đồng. Tổng số tiền lãi 93.883.528 đồng + 48.818.475 đồng = 142.702.003 đồng.

Các hợp đồng kinh tế hai bên đã ký kết không thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán, tuy nhiên, theo bảng chi tiết công nợ và tính lãi ngày 17/02/2023 thì hai bên thống nhất mức lãi 10,5%/năm nên Công ty V yêu cầu Công ty S Trả trả mức lãi suất chậm trả 10,5%/năm, tương đương 0,87%/tháng.

Theo quy định tại Điều 306 của Luật thương mại, quy định quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Căn cứ mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của Ngân hàng TMCP N; Ngân hàng TMCP C và Ngân hàng TMCP N1 thì mức lãi suất là 16,3%/năm, tương đương 1,35%/tháng. Công ty V yêu cầu 0,87%/tháng là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận là 142.702.003 đồng.

Án sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Công ty S kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xem xét. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty S, giữ nguyên Bản án số 16/2023/KDTM-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm: Hình thức đơn và thời hạn gửi đơn đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hợp đồng mà hai bên đã ký kết: Theo như các Hợp đồng kinh tế số 059-21/DT-PAA ngày 11/5/2021; số 064-21/DT-PAA ngày 18/5/2021; số 094-21/DT-PAA ngày 01/7/2021 và số 001PAA/DT-PAA ngày 01/3/2022 mà Công ty V với Công ty S ký đã ký kết thì phía Công ty V bán các loại vải cho Công ty S. Hợp đồng kinh tế giữa hai bên được lập thành văn bản, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và tuân thủ đúng quy định tại Điều 116, 119, 430 của Bộ luật Dân sự; các Điều 24, 25 của Luật Thương mại nên phát sinh hiệu lực.

[3] Về số tiền nợ gốc: Các đương sự thống nhất đã ký kết các Hợp đồng kinh tế về việc mua bán các sản phẩm về vải theo 04 Hợp đồng kinh tế số 059-21/DT-PAA ngày 11/5/2021; số 064-21/DT-PAA ngày 18/5/2021; số 094-21/DT-PAA ngày 01/7/2021 và số 001PAA/DT-PAA ngày 01/3/2022. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty V đã giao hàng cho Công ty S Ân đúng như thỏa thuận. Tuy nhiên, bên phía bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán của mình, cụ thể:

Hợp đồng kinh tế 059-21/DT-PAA, bị đơn còn thiếu 75.643.200 đồng.

Hợp đồng kinh tế 064-21/DT-PAA, bị đơn còn thiếu 361.561.040 đồng.

Hợp đồng kinh tế 094-21/DT-PAA, bị đơn còn thiếu 226.608.300 đồng.

Hợp đồng kinh tế 001PAA/DT-PAA, bị đơn còn thiếu 208.413.216 đồng.

Xét thấy: Việc Công ty S đang còn nợ Công ty V tổng số tiền 872.225.756 đồng của 04 hợp đồng kinh tế là 059-21/DT-PAA, 064-21/DT-PAA, 094-21/DT-PAA, 001PAA/DT-PAA thì đến ngày 17/02/2022 hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ, phía bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 872.225.756 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn cũng thừa nhận hiện nay còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 872.225.756 đồng theo như biên bản đối chiếu công nợ và tại Biên bản hòa giải ngày 24/7/2023 (BL 47) do bị đơn đang gặp khó khăn nên không có khả năng trả nợ mà yêu cầu được bắt đầu thanh toán kể từ ngày 01/4/2024 nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc bị đơn chưa thanh toán là ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc còn nợ 872.225.756 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005. Bị đơn cho rằng kinh tế của Công ty có khó khăn, xin thanh toán kể từ ngày 01/4/2024 nhưng không thỏa thuận được với nguyên đơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 872.225.756 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về số tiền lãi chậm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi với mức tạm tính là 10,5%/năm, tạm tính đến ngày 22/5/2023 tương đương số tiền 117.797.050 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cho rằng với tiền lãi thì theo như bảng chi tiết công nợ và tính lãi ngày 17/02/2023 thì hai bên đã

thống nhất số tiền lãi tính đến ngày 17/02/2023 là 93.883.528 đồng, nhưng cho đến nay bị đơn vẫn không trả gốc và lãi cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu tiếp tục bị đơn trả lãi tính từ ngày 18/02/2023 đến ngày 31/8/2023 với mức lãi 10,5%/năm, tương đương 0,87%/tháng, cụ thể 06 tháng 13 ngày x 0,87%/tháng x 872.225.756 đồng = 48.818.475 đồng, tổng số tiền lãi 93.883.528 đồng + 48.818.475 đồng = 142.702.003 đồng.

Xét thấy: Các hợp đồng kinh tế mà hai bên đã ký kết thì hai bên không thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán nhưng theo bảng chi tiết công nợ và tính lãi ngày 17/02/2023 thì hai bên thống nhất mức lãi 10,5%/năm nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả mức lãi suất chậm trả 10,5%/năm, tương đương 0,87%/tháng.

Theo Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”.

Căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 ngân hàng thương mại (Ngân hàng TMCP N; Ngân hàng TMCP C; Ngân hàng TMCP N1) thì mức lãi suất là 16,3%/năm, tương đương 1,35%/tháng, việc Công ty V yêu cầu 0,87%/tháng là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, việc bị đơn chậm thanh toán tiền hàng dẫn đến việc nguyên đơn yêu cầu trả lãi suất với mức lãi 10,5%/năm là thấp hơn quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu bị đơn phải trả mức lãi suất là 10,5%/năm là có căn cứ chấp nhận. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác cho yêu cầu của mình nên không có căn cứ chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[6] Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 68, Điều 95, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 272, Điều 273, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 24; Điều 25, Điều 50; Điều 55; Điều 306 Luật Thương mại 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH S.

2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 16/2023/KDTM-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH V và Sợi Đức T về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” đối với bị đơn Công ty TNHH S.

Công ty TNHH S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH V và Sợi Đức T số tiền nợ gốc 872.225.756 đồng (tám trăm bảy mươi hai triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi sáu đồng) và tiền lãi 142.702.003 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm lẻ hai nghìn không trăm lẻ ba đồng), tổng cộng 1.014.927.759 đồng (một tỷ không trăm mười bốn triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH S phải chịu số tiền 42.448.000 đồng (bốn mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Công ty TNHH V và Sợi Đức T số tiền 20.850.000 đồng (hai mươi triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021-0003013 ngày 29/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH S phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2023/0000828 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố T;
- Chi Cục THADS thành phố T, tỉnh

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bình Dương;

- Các đương sự;

- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa KT, HCTP.

Huỳnh Văn Luật